



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHƯƠNG 3: SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Giảng viên: Phan Yến Trang
trang.phanyen@hust.edu.vn

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.1. Chi phí sản xuất Tư bản chủ nghĩa (K)

❖ Công thức: $K = C + V$ (chi phí mua TLSX và mua SLĐ)

+ Chỉ phản ánh hao phí về tư bản, phải ứng ra trước

+ Không phản ánh đầy đủ hao phí LĐXH (là giá trị tổng sản phẩm $C+V+M$)

❖ Ý nghĩa:

⇒ Xoá nhoà sự khác biệt giữa Tư bản bất biến (C) với Tư bản khả biến (V)

⇒ Dẫn tới lầm tưởng rằng chi phí (K) tạo nên GTTD (M)

⇒ Từ đó lầm tưởng rằng nhà Tư bản ứng ra chi phí (K), thì giữ vai trò quyết định

⇒ Có ý nghĩa *che mờ bản chất bóc lột của Chủ nghĩa tư bản.*

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.2. Lợi nhuận (P)

❖ **Bản chất:** Lợi nhuận (P) là hình thái chuyển hoá của GTTD (M). Vì:

- Ngành Cung < Cầu \Rightarrow Giá cả > Giá trị $\Rightarrow P > M$
- Ngành Cung > Cầu \Rightarrow Giá cả < Giá trị $\Rightarrow P < M$
- Ngành Cung = Cầu \Rightarrow Giá cả = Giá trị $\Rightarrow P = M$

❖ **Ý nghĩa:**

\Rightarrow Nói đến Lợi nhuận (P) làm hàm ý do chí phí (K) tạo ra, không nhắc tới GTTD (M)

\Rightarrow Bỏ qua góc nhìn về giai cấp, che mờ hơn nữa bản chất bóc lột của Chủ nghĩa tư bản

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.3. Tỷ suất lợi nhuận (P')

❖ Công thức:

$$P' = \frac{P}{K} (\%) \quad \Rightarrow \quad P' = \frac{M}{C + V} (\%)$$

❖ Về lượng: P' luôn nhỏ hơn M'

$$P' = \frac{M}{C+V} (\%); \quad M' = \frac{M}{V} (\%)$$

❖ Về chất: M' phản ánh trình độ bóc lột của NTB đối với công nhân làm thuê. Còn P' chỉ nói lên mức doanh lợi của việc đầu tư của NTB

❖ Ý nghĩa: Phản ánh hiệu quả đầu tư sản xuất kinh doanh của nhà tư bản

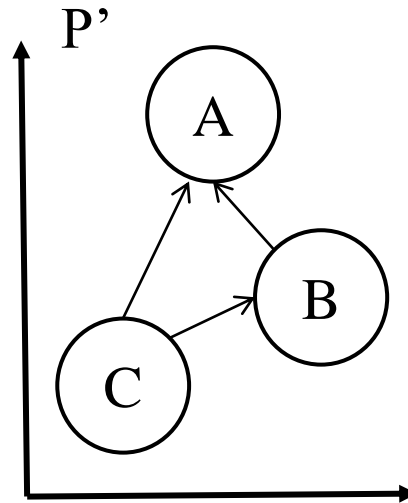
4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.4. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành nên

Tỷ suất lợi nhuận bình quân & Lợi nhuận bình quân

❖ Sự cạnh tranh giữa các ngành

- *Khái niệm:* Cạnh tranh giữa các ngành là sự di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác để tìm kiếm nơi đầu tư có tỷ suất lợi nhuận (P') cao.



4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.4. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành nên

Tỷ suất lợi nhuận bình quân & Lợi nhuận bình quân

❖ Sự cạnh tranh giữa các ngành

- *Hệ quả*: Tạo nên quá trình san bằng tỷ suất lợi nhuận giữa các ngành.

Bởi vì:

+ Ngành có P' thấp thì nhà đầu tư rời bỏ ngành \Rightarrow Cung giảm, cạnh tranh giảm $\Rightarrow P'$ tăng

+ Ngành có P' cao thì thu hút đầu tư \Rightarrow Cung tăng, cạnh tranh tăng $\Rightarrow P'$ giảm

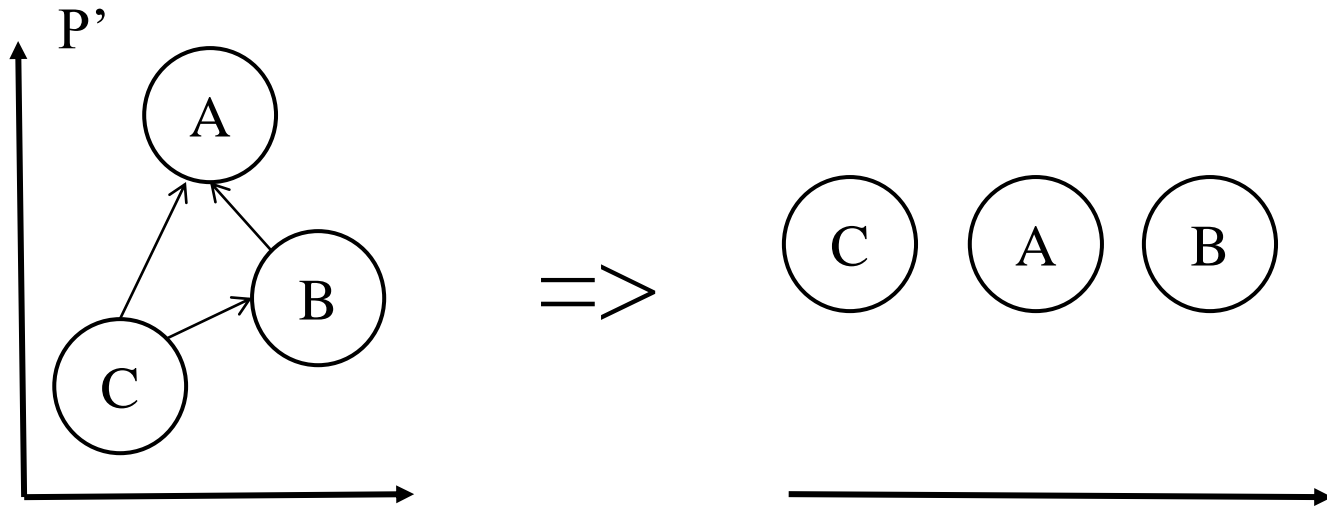
Như vậy, sẽ tạo nên tỷ suất lợi nhuận cho mọi ngành

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.4. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành nên

Tỷ suất lợi nhuận bình quân & Lợi nhuận bình quân

❖ Sự cạnh tranh giữa các ngành



Diễn biến cạnh tranh giữa
các ngành

Kết quả của sự cạnh tranh
giữa các ngành

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.4. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành nên

Tỷ suất lợi nhuận bình quân & Lợi nhuận bình quân

❖ Tỷ suất lợi nhuận bình quân

- *Khái niệm*: Là mức tỷ suất lợi nhuận chung của mọi ngành trong toàn xã hội, được hình thành từ sự cạnh tranh giữa các ngành

❖ Công thức

$$\overline{P'} = \frac{\Sigma P_i}{\Sigma K_i}$$

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.4. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành nên

Tỷ suất lợi nhuận bình quân & Lợi nhuận bình quân

❖ Lợi nhuận bình quân

- *Khái niệm*: Là mức lợi nhuận chung của mọi ngành trong toàn xã hội, khi có mức đầu tư như nhau, được hình thành từ sự cạnh tranh giữa các ngành
- **Công thức:** $\overline{P} = K \times \overline{P'}$

4. Hình thái biểu hiện của Tư bản & GTTD

4.4. Sự cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành nên

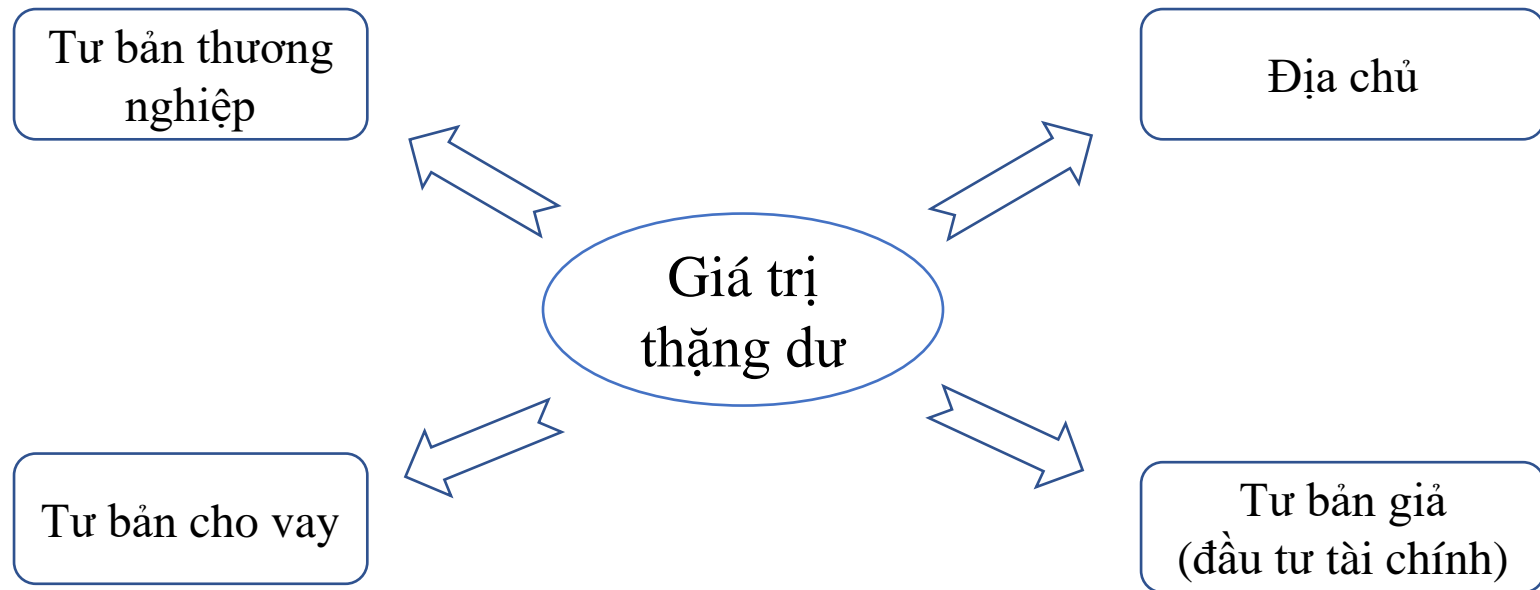
Tỷ suất lợi nhuận bình quân & Lợi nhuận bình quân

❖ Điều kiện để tồn tại sự cạnh tranh giữa các ngành

- *Về kỹ thuật*: Phải có nền đại công nghiệp Tư bản chủ nghĩa
- *Về thị trường*: Tư bản phải được tự do di chuyển từ ngành này sang ngành khác

=> *Như vậy, sự cạnh tranh giữa các ngành là đặc trưng của giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh*

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

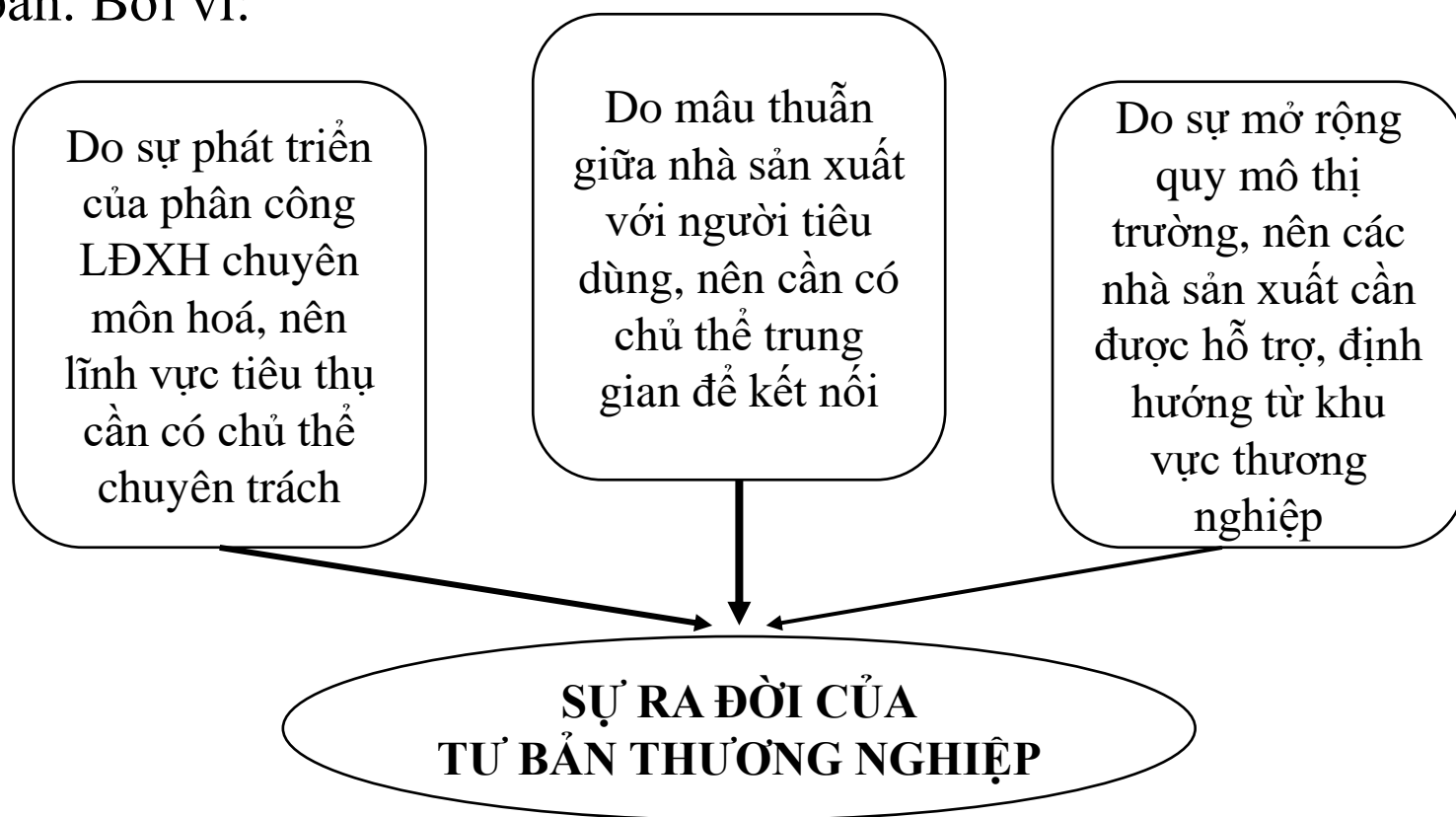


5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.1 Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp

❖ Nguyên nhân hình thành tư bản thương nghiệp

Tư bản thương nghiệp hình thành cùng với sự hình thành của Chủ nghĩa Tư bản. Bởi vì:



5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.1 Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp

❖ Khái niệm Tư bản thương nghiệp

- Tư bản thương nghiệp là loại hình Tư bản gắn kết với các nhà sản xuất, là đại diện cho nhà sản xuất khi tiêu thụ hàng hoá và được phân chia lợi nhuận với nhà sản xuất.

- **Lưu ý:** Thương nhân trước CNTB tách rời khỏi nhà sản xuất, là khách hàng của nhà sản xuất, hoạt động theo kiểu “mua rẻ, bán đắt”

=> *Như vậy, Tư bản thương nghiệp và Thương nhân trước CNTB có khác biệt về chất.*

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.1 Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp

❖ Lợi nhuận thương nghiệp

- *Về nội dung*: Lợi nhuận thương nghiệp là một phần GTTD do công nhân sản xuất ra, được nhà sản xuất trích lại cho TB thương nghiệp vì vai trò tiêu thụ hàng hoá.

+ Tổng chi phí ứng ra: $C + V = (C_{SX} + C_{TN}) + (V_{SX} + V_{TN})$

+ Kết quả sản xuất và trao đổi, thu được: M (bao gồm $M_{SX} + M_{TN}$)

- *Về hình thức*: Lợi nhuận thương nghiệp biểu hiện dưới dạng hoa hồng, tỷ lệ %...

- *Về cơ sở định lượng*: dựa trên tỷ suất lợi nhuận bình quân $\overline{P'}$

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.2. Tư bản cho vay & Lợi tức cho vay

❖ Nguyên nhân hình thành Tư bản cho vay

Trong nền kinh tế thị trường, luôn tồn tại Tư bản Tiền tệ tạm thời nhàn rỗi, mà vẫn có nhu cầu sinh lời.

=> Từ đó, tạo nên nguồn Cung tiền tệ cho vay

Trong nền kinh tế thị trường, luôn tồn tại Tư bản sản xuất có khả năng sinh lời, nhưng lại thiếu tiền đầu tư.

=> Từ đó, tạo nên nhu cầu vay tiền

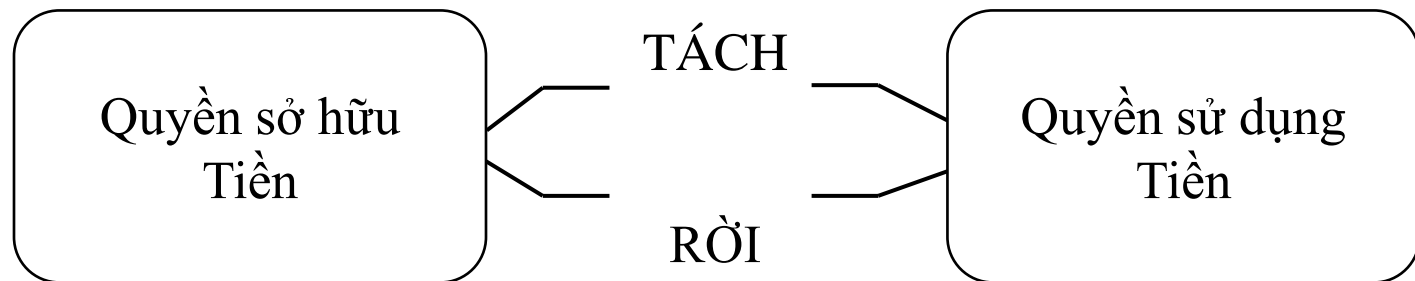
**SỰ HÌNH THÀNH
TƯ BẢN CHO VAY**

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.2. Tư bản cho vay & Lợi tức cho vay

❖ Khái niệm Tư bản cho vay

- Là Tư bản Tiền tệ tạm thời nhàn rỗi
- Được người sở hữu nhường quyền sử dụng cho người khác
- Với mục đích của người sở hữu là hưởng lợi tức



5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.2. Tư bản cho vay & Lợi tức cho vay

❖ Lợi tức cho vay (Z_{CV})

- *Về nội dung*: Là một phần GTTD do công nhân sản xuất ra, được nhà Tư bản đi vay trích lại cho nhà Tư bản cho vay, để đổi lấy quyền sử dụng Tiền.
- *Về hình thức*: Là số tiền Z_{CV} được xác định dựa trên lãi suất vay (Z'_{CV}) và giá trị Tư bản tiền tệ cho vay (K_{CV}).

Công thức: $Z_{CV} = Z'_{CV} \times K_{CV}$

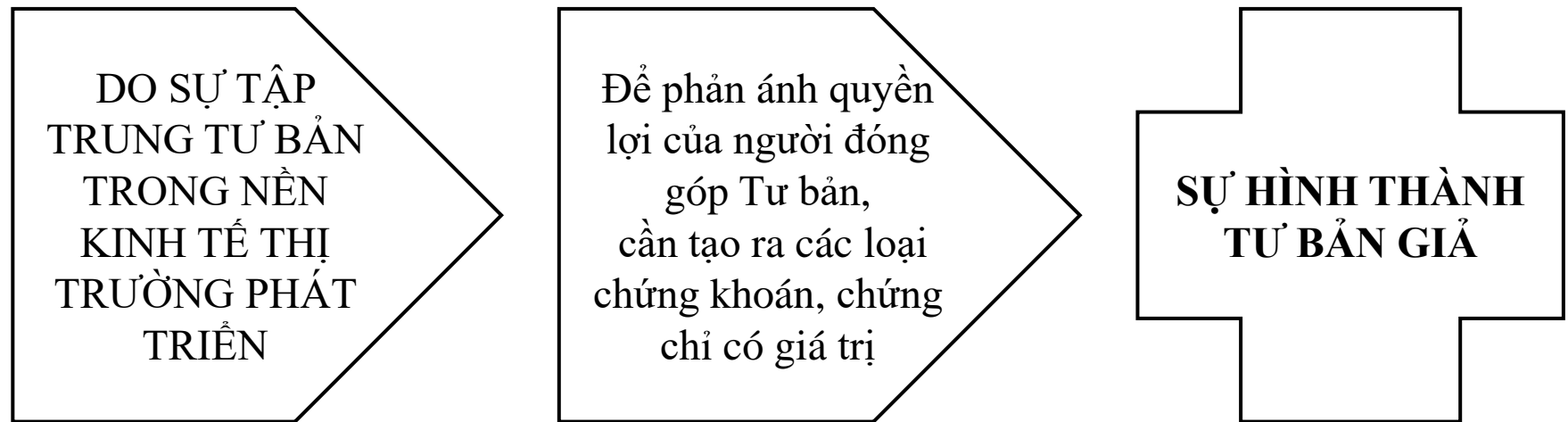
- Về cơ sở định lượng: Dựa trên tỷ suất lợi nhuận bình quân \overline{P} ,

$$0 < Z'_{CV} < \overline{P}, \quad \text{và} \quad 0 < Z_{CV} < \overline{P}$$

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.3. Tư bản giả

❖ Nguyên nhân hình thành Tư bản giả



5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.3. Tư bản giả

❖ Khái niệm Tư bản giả

- Tư bản giả không phải là Tư bản thật
- Tư bản giả tồn tại dưới hình thức là các chứng khoán có giá, tức là các hình thái chứng chỉ của giá trị, phản ánh quyền lợi của người sở hữu đối với người phát hành.
- Tư bản giả bao gồm các chứng khoán như: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ...



5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.3. Tư bản giả

❖ Giá cả của Tư bản giả

- *Về nội dung*: Tư bản giả chỉ là chứng khoán, không kết tinh hao phí LĐXH thật, nên giá cả không phụ thuộc vào giá trị. Giá cả phụ thuộc vào lợi ích kinh tế có được do sở hữu Tư bản giả, khi so sánh với lợi tức cho vay, gửi ngân hàng.
- *Về hình thức*: Sự vận động của Tư bản giả tách rời khỏi tư bản thật, do tác động của quy luật Cung – Cầu, giao dịch trên thị trường Chứng khoán.
- *Về cơ sở định lượng*: Cổ tức của cổ phiếu hoặc lợi tức của trái phiếu, quyền kiểm soát nhà phát hành, kỳ vọng chênh lệch giá mua bán.

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Đặc điểm sản xuất kinh doanh nông nghiệp trong Chủ nghĩa tư bản

- Về mặt kinh tế - xã hội:

+ Tồn tại 03 giai cấp: Công nhân, Địa chủ, Tư sản

+ Tính độc quyền trong sở hữu ruộng đất và sản xuất kinh doanh nông nghiệp

- Về mặt kinh tế - kỹ thuật

+ Cấu tạo tư bản C/V trong nông nghiệp thấp hơn công nghiệp

+ Giá trị thị trường của nông sản được xác định trong điều kiện SX trên đất xấu.

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ **Đặc điểm sản xuất kinh doanh nông nghiệp trong Chủ nghĩa tư bản**

KẾT LUẬN: Rút ra từ các đặc điểm kinh tế - xã hội và kinh tế - kỹ thuật là:

+ *Thứ nhất*, kinh doanh nông nghiệp trên đất xấu cũng đạt Lợi nhuận nông nghiệp thông thường cao hơn Lợi nhuận bình quân của xã hội và không bị cạnh tranh từ bên ngoài để làm giảm lợi nhuận:

$$P_{NN} > \overline{P}$$

+ *Thứ hai*, nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp không thể chiếm đoạt toàn bộ Lợi nhuận nông nghiệp, mà phải chia cho địa chủ theo hình thức địa tô.

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Khái niệm địa tô Tư bản chủ nghĩa

- Về nội dung:

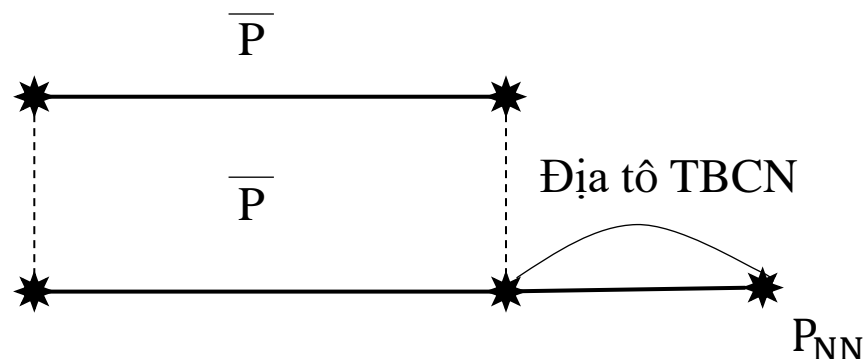
+ Là phần GTTD do công nhân sản xuất ra, dôi ra ngoài LN bình quân XH

+ Bị nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp chiếm đoạt, rồi chia lại cho địa chủ

- Về hình thức: Là tiền thuê đất mà nhà tư bản nông nghiệp trả cho địa chủ

Lợi nhuận bình quân của xã hội

Lợi nhuận nông nghiệp



5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Phân loại địa tô Tư bản chủ nghĩa

- Địa tô tuyệt đối
- Địa tô chênh lệch I
- Địa tô chênh lệch II

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Phân loại địa tô Tư bản chủ nghĩa

- *Địa tô tuyệt đối*: Là phần địa tô tuyệt đối phải trả cho địa chủ, tồn tại trên mọi loại đất, kể cả đất xấu. Khi đó, việc kinh doanh đem lại:

$$P_{NN \text{ thông thường}} > \overline{P}$$

- *Địa tô chênh lệch I*: Là phần địa tô xuất hiện thêm, trên đất tốt tự nhiên. Khi đó việc kinh doanh đem lại:

$$P_{NN \text{ siêu ngạch}} > P_{NN \text{ thông thường}} > \overline{P}$$

=> Địa chủ sở hữu đất tốt tự nhiên, nên địa tô chênh lệch I phải trả cho địa chủ

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

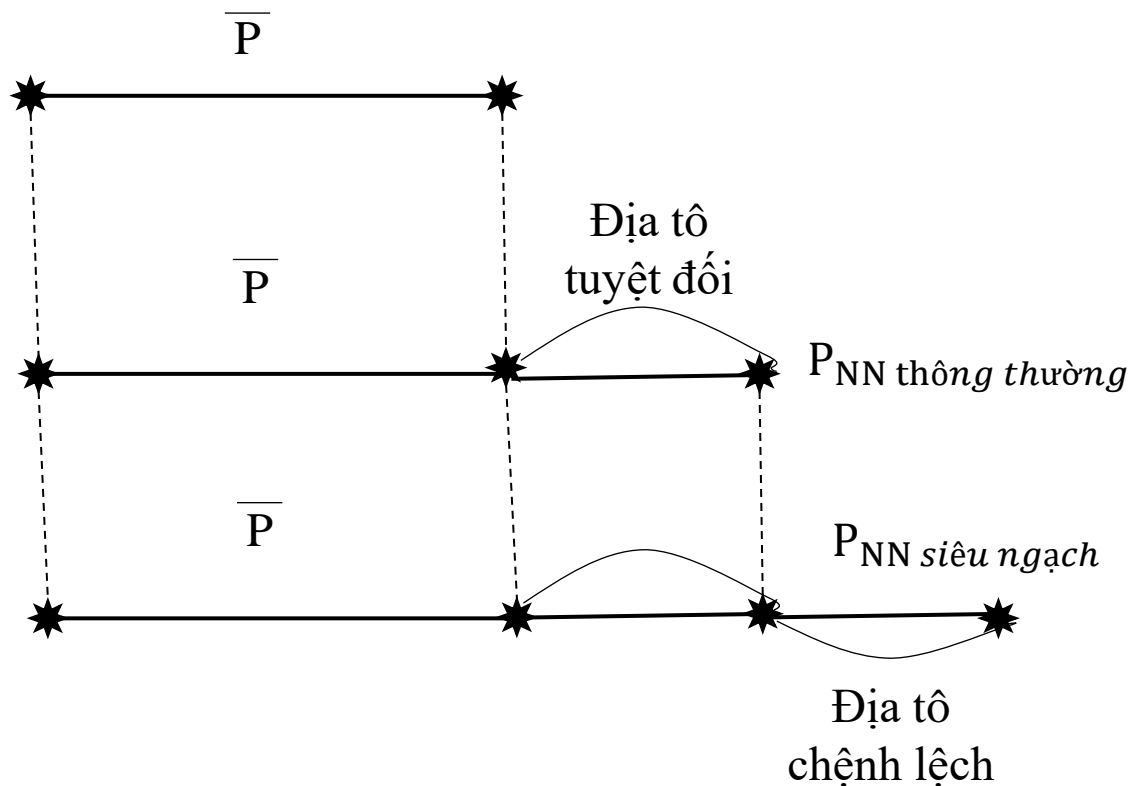
5.4 Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Phân loại địa tô Tư bản chủ nghĩa

Lợi nhuận bình quân của xã hội

Lợi nhuận nông nghiệp thông thường khi kinh doanh trên đất xấu

Lợi nhuận nông nghiệp siêu ngạch, khi kinh doanh trên đất tốt



5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4 Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Phân loại địa tô Tư bản chủ nghĩa

- *Địa tô chênh lệch II*: Là phần địa tô xuất hiện thêm, trên đất tốt do cải tạo. Khi đó, việc kinh doanh đem lại:

$$P_{NN \text{ siêu ngạch}} > P_{NN \text{ thông thường}} > \bar{P}$$

- Như vậy, trong thời hạn hợp đồng thuê đất ban đầu, thì:
 - + Do sở hữu và cho thuê đất xấu, địa chủ chỉ được trả địa tô tuyệt đối
 - + Do cải tạo thành đất tốt, nhà tư bản giữ lại được địa tô chênh lệch II
- => Vấn đề nảy sinh khi hết hạn hợp đồng ban đầu, cần đàm phán hợp đồng mới

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4 Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Mâu thuẫn giữa tư bản nông nghiệp và địa chủ

- *Nguyên nhân*: Do tranh chấp địa tô chênh lệch II, khi gia hạn hợp đồng thuê đất

+ Địa chủ sở hữu đất tốt, **nên muốn tăng giá**, để chiếm lấy địa tô chênh lệch II

+ Nhà tư bản cải tạo đất xấu, **nên muốn giữ giá**, để giữ lại địa tô chênh lệch II

- *Kết quả*: Khi không đạt được thỏa hiệp để dung hòa mâu thuẫn thì:

+ Hai bên không tiếp tục hợp đồng mới

+ Nhà tư bản khai thác đất cùng kiệt để kiếm lời trước khi hợp đồng cũ kết thúc

=> Karl Marx rút ra quy luật: ***“Đất đai trong Chủ nghĩa tư bản ngày càng xói mòn”***

5. Sự phân chia GTTD giữa các loại hình tư bản

5.4 Tư bản kinh doanh nông nghiệp, Địa chủ & Địa tô Tư bản chủ nghĩa

❖ Đất đai và giá cả đất đai

- *Hàng hóa đất đai*: không hoàn toàn là kết quả trực tiếp từ lao động của con người, mà chỉ có thể chỉ nhận tác động gián tiếp từ lao động
- *Giá cả đất đai*: không phụ thuộc vào giá trị. Giá cả phụ thuộc vào địa tô (tức là sức sinh lời của đất) và lợi tức cho vay, gửi tiền ngân hàng (lãi suất huy động)
- *Công thức*:

$$\text{Giá cả đất đai} = \frac{\text{Địa tô}}{\text{Lãi suất huy động tiền gửi ngân hàng}}$$

Một số điều cần lưu ý

- ❖ Tư bản và GTTD là các phạm trù phản ánh nội dung của quá trình kinh tế, được biểu hiện qua hình thức là Chi phí và Lợi nhuận
- ❖ Sự cạnh tranh giữa các ngành dẫn tới san bằng tỷ suất lợi nhuận, tạo nên tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân trong tất cả các ngành
- ❖ Bên cạnh Tư bản công nghiệp, nền kinh tế thị trường còn có Tư bản cho vay, Tư bản thương nghiệp, Tư bản giả (đầu tư tài chính), Tư bản nông nghiệp và Địa chủ
- ❖ Công nhân làm thuê tạo nên GTTD. Sau đó, các loại hình Tư bản phân chia nhau trên cơ sở là mức lợi nhuận bình quân
- ❖ CNTB khiến cho tài nguyên, môi trường sinh thái ngày càng cạn kiệt xói mòn



HUST

KẾT THÚC CHƯƠNG 3 SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

